

## BÀN VỀ VIỆC GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT (QUA KHẢO SÁT MỘT SỐ BIẾN THỂ TỪ VỰNG TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ HIỆN NAY)

Vũ Linh Chi\*

Nhận bài: 07/11/2021; Nhận kết quả bình duyệt: 09/11/2021; Chấp nhận đăng: 15/01/2022

©2022 Trường Đại học Thăng Long

### TÓM TẮT

Cùng với biến thể ngữ âm và biến thể câu, biến thể từ vựng là một hiện tượng ngôn ngữ cần được quan tâm nghiên cứu, đặc biệt trong tiếng Việt. Bài viết này hướng tới việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt thông qua việc khảo sát thực trạng sử dụng biến thể từ vựng tiếng Việt trên một số trang báo điện tử và đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ viết đối với nhà báo hiện nay.

**Từ khóa:** biến thể từ vựng; chuẩn mực; năng lực ngôn ngữ; ngôn ngữ; báo điện tử

### 1. Đặt vấn đề

Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt luôn là vấn đề quan trọng và cần thiết bởi “tiếng Việt là một công cụ rất có hiệu lực trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” (dẫn theo Phạm Văn Đồng). Trong bối cảnh bùng nổ thông tin như hiện nay, các phương tiện truyền thông được coi là “mảnh đất màu mỡ” nhất để tiếng Việt có thể phát huy sứ mệnh cao cả. Các phương tiện truyền thông đóng vai trò như một người dẫn đường chuẩn mực trong công cuộc bảo tồn và phát triển tiếng Việt ngày càng giàu đẹp hơn. Nhưng liệu việc sử dụng từ ngữ tiếng Việt trên các phương tiện truyền thông hiện nay đã hợp/đúng chuẩn chưa?

Thực tế, tiếng Việt được sử dụng trên các phương tiện truyền thông nói chung, báo chí nói riêng đã và đang hoàn thành tốt các sứ mệnh của mình. Việc nắm bắt và nghiên cứu những xu hướng phát triển mới của ngôn ngữ nhằm phục vụ công tác dự báo, định hướng, chuẩn hóa và giáo dục ngôn ngữ sẽ mang lại tác động tích cực đến diện

mạo của tiếng Việt đương đại, phục vụ cho công tác chuẩn hóa tiếng Việt trong giai đoạn này, hướng tới việc xây dựng luật ngôn ngữ. Trong phạm vi nghiên cứu, bài viết khảo sát xem xét thực trạng sử dụng biến thể từ vựng tiếng Việt trên một số trang báo điện tử hiện nay, bước đầu đưa ra một vài khuyến nghị nhằm nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ viết đối với các nhà báo hiện nay.

### 2. Khái quát một số vấn đề về cơ sở lí luận và thực tiễn nghiên cứu biến thể từ vựng

Biến thể từ vựng tiếng Việt được hiểu là những đơn vị từ ngữ biến đổi về hình thức ngữ âm (khác hoặc khác ít nhiều) so với ngôn ngữ chuẩn mực toàn dân (thể gốc) nhưng mang nội dung ngữ nghĩa giống nhau hoặc có sự biến đổi ngữ nghĩa (cấp thêm nghĩa mới, thu hẹp nghĩa gốc, biến đổi ý nghĩa ngữ dụng hay thay đổi phạm vi sử dụng của từ ngữ...), nhờ đó có thể thay thế cho nhau trong những phạm vi sử dụng cụ thể. Thông qua việc tìm hiểu đặc điểm cấu trúc hình thức cũng như nguyên nhân hình thành, bài viết hướng tới

\* Đại học Thăng Long

việc xác lập diện mạo biến thể của từ vựng tiếng Việt đương đại được sử dụng trên một số trang báo mạng. Hiện tượng những từ ngữ mang nội dung ngữ nghĩa tương đương nhau nhưng hình thức ngữ âm khác hoặc khác ít nhiều do có một thành phần nào đó của cấu trúc âm tiết biến đổi hoặc do vay mượn từ ngữ tương đương từ ngôn ngữ nước ngoài nhưng không còn xa lạ mà đã trở nên phổ biến trong ngôn ngữ tiếng Việt nhờ vậy có thể thay thế cho nhau trong những phạm vi sử dụng cụ thể.

Nghiên cứu biến thể từ vựng tiếng Việt có hai khuynh hướng chính được nhắc tới: Thứ nhất, dựa vào những tư liệu điền dã thực tế (cách nghiên cứu này cho chúng ta những tư liệu sống động nhưng cũng mang tính cá nhân nhiều hơn); Thứ hai, dựa vào những tư liệu thu thập từ các văn bản sách báo (đây là nguồn tư liệu được xem là có tính ổn định và gần với chuẩn hơn). Cả hai khuynh hướng đều có những mặt tích cực cũng như mặt hạn chế. Nếu như hướng nghiên cứu dựa vào tư liệu điền dã thực tế cho chúng ta hiểu được sự sống động của ngôn ngữ trong đời sống hiện tại thì việc dựa vào các văn bản sẽ giúp chúng ta thấy được vai trò của biến thể từ vựng tiếng Việt trong hoạt động hành chức của nó. Ở phạm vi bài viết này, chúng tôi lựa chọn hướng nghiên cứu thứ hai.

Cùng với biến thể ngữ âm và biến thể câu, biến thể từ vựng trong tiếng Việt là một hiện tượng ngôn ngữ cần được quan tâm nghiên cứu. Biến thể từ vựng hình thành và phát triển nở rộ trong bối cảnh tiếng Việt đương đại. Nghiên cứu biến thể từ vựng chính là nghiên cứu ngôn ngữ trong sự biến động, đa dạng, phức tạp của bối cảnh tiếng Việt thống nhất, hội nhập và phát triển. Điều này phản ánh một bước phát triển có tính quy luật của các nền văn

hóa - ngôn ngữ trong quá trình hội nhập, toàn cầu hóa.

Có khá nhiều các công trình nghiên cứu về vấn đề này dựa trên nguồn ngữ liệu của một số trang báo điện tử [3], [4], [5]... Các tác giả đều thừa nhận sự tồn tại của hiện tượng ngôn ngữ này nhưng mặt khác lại băn khoăn, trăn trở, lo lắng cho sự tồn tại ấy sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến tiếng Việt chuẩn mực, đặc biệt là ảnh hưởng đến giới trẻ. Bởi hơn ai hết, giới trẻ luôn là lực lượng tiên phong của đổi mới và sáng tạo. Một số ý kiến phản đối, bài xích hiện tượng ngôn ngữ này vì cho rằng biến thể từ vựng giống như những “hạt sạn khó nuốt”. Nó đang làm xuống cấp, làm méo mó ngôn ngữ, phá vỡ các chuẩn mực của ngôn ngữ, đánh mất sự trong sáng của tiếng Việt. Báo chí nói riêng, các phương tiện truyền thông nói chung thường được coi là mẫu mực trong việc dùng ngôn từ. Chính vì thế, những sai sót về từ ngữ sẽ nhanh chóng trở thành sai sót chung của toàn xã hội, kéo theo những hệ lụy khó lường. Trước những luồng dư luận khen chê trái chiều này, chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng sử dụng biến thể từ vựng tiếng Việt trên một số trang báo điện tử cùng một vài khuyến nghị nhằm nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ viết đối với nhà báo hiện nay, hướng tới việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

### **3. Thực trạng sử dụng các biến thể từ vựng tiếng Việt trên một số trang báo điện tử hiện nay**

#### **3.1. Nguồn ngữ liệu và phương pháp tiếp cận**

##### **3.1.1. Nguồn ngữ liệu**

Chúng tôi khảo sát các biến thể từ vựng trên 06 trang báo điện tử có uy tín: dantri.com.vn, vnexpress.net, vietnamnet.vn, ngoisao.vn, zing.vn, Kenh14.vn. Các trang báo điện tử này tiêu biểu cho hai miền Nam Bắc, có lượt truy cập lớn,

là địa hạt lí tưởng để nghiên cứu về biến thể từ vựng tiếng Việt. Chúng tôi lựa chọn thời gian phát hành trong năm 2020 và sáu tháng đầu năm 2021; mỗi báo chọn ngẫu nhiên 100 bài chia đều

cho 05 lĩnh vực: văn hóa giải trí, đời sống giới trẻ, công nghệ thông tin, giáo dục, chính trị; kết quả thống kê được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 1. Số lượng các biến thể từ vựng trên báo điện tử**

Tên báo	Số lượng biến thể từ vựng	Số lần xuất hiện
dantri.com.vn	66	178
vnexpress.net	78	189
vietnamnet.vn	89	206
ngoisao.vn	205	426
zing.vn	158	296
Kenh14.vn	218	698
Tổng	814	1993

Kết quả trên là cách tính tổng các biến thể từ vựng trên một số báo điện tử. Tuy nhiên, trong số đó, có một số biến thể từ vựng trùng nhau. Số biến thể từ vựng trùng nhau chúng tôi đã thống kê được là 206 đơn vị. Như vậy, thực tế số lượng biến thể từ vựng được lựa chọn làm tư liệu phân tích chỉ còn 608 đơn vị. Kết quả thống kê trên cho thấy số lượng biến thể từ vựng luôn thấp hơn số lần biến thể từ vựng xuất hiện là vì có nhiều biến thể từ vựng được lặp lại.

Số lượng biến thể từ vựng trong các báo điện tử khác nhau chủ yếu phụ thuộc vào đối tượng bạn đọc. Những báo điện tử hướng về đông đảo bạn đọc trẻ tuổi như: Kenh14.vn, ngoisao.vn, zing.vn có số lượng biến thể từ vựng xuất hiện nhiều hơn các báo điện tử còn lại. Điều này cho thấy xu hướng sử dụng biến thể từ vựng tiếng Việt ngày càng gia tăng trong giới trẻ. Có thể lí giải do giới trẻ chiếm số đông trong xã hội, nhanh nhạy với cái mới, bản tính thích khám phá, sáng tạo nên là lực lượng tiên phong trong các trào lưu xã hội, trong đó có ngôn ngữ. Cùng với thời trang, văn hóa giải trí, sự lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ của giới trẻ cũng thể hiện phong cách thanh niên thời

thượng và sành điệu. Ngôn ngữ giới trẻ được ví như luồng gió mới làm thay đổi đời sống tiếng Việt đương đại, tạo ra nhiều luồng dư luận khen chê trái chiều.

### 3.1.2. Phương pháp tiếp cận

– Phương pháp phân tích ngữ nghĩa: Phương pháp này được sử dụng để phân tích nguồn ngữ liệu trên; phân tích cấu trúc nghĩa của các biến thể từ vựng, nghĩa của từ được phân tích như là một cấu trúc tập hợp các nghĩa tố, trong đó có những nét nghĩa được bảo lưu từ đơn vị từ vựng gốc, và những nét nghĩa được sáng tạo, cấp thêm cho từ.

– Phương pháp miêu tả ngôn ngữ học: Chúng tôi sử dụng phương pháp này để miêu tả đặc điểm của các hiện tượng chêm, xen từ ngữ tiếng Anh vào ngôn ngữ tiếng Việt, hiện tượng biến đổi những đơn vị có sẵn của tiếng Việt và các kết cấu mới lạ.

– Thủ pháp thống kê, phân loại: Thủ pháp này được sử dụng để khảo sát, thu thập tư liệu về biến thể từ vựng, sau đó phân loại chúng thành các nhóm.

– Thủ pháp so sánh: Thủ pháp này được sử dụng để tìm ra những điểm khác biệt và mối tương quan giữa các biến thể từ vựng đã tìm được.

### 3.2. Kết quả khảo sát

Bằng chứng sống động cho thấy tiếng Việt ngày càng phát triển đa dạng, phong phú phần nào nhờ vào sự xuất hiện của những biến thể từ vựng. Vì vậy, người sử dụng có quyền lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp sao cho phù hợp với mình. Bài viết sẽ khảo sát một số hình

thức thể hiện của biến thể từ vựng trên một số trang báo điện tử tiêu biểu, gồm:

- (1) Chêm xen từ ngữ tiếng Anh vào giao tiếp tiếng Việt;
- (2) Biến đổi những đơn vị có sẵn của tiếng Việt;
- (3) Kết cấu mới lạ.

**Bảng 2. Thống kê số lượng các biến thể từ vựng trên báo điện tử**

Các hình thức thể hiện	Số lượng	Ví dụ	Ngữ liệu
Chêm xen từ ngữ tiếng Anh	334	clip, free size, hot, CV, code, fake, auth, party, sexy, teen, showbiz, check, topic, chat, order, style,...	- Bộ đôi Trấn Thành, Anh Đức tung <i>clip</i> hài bá đạo. - Lí tưởng sẽ là quần dáng <i>baggy</i> giúp hông nhìn tròn trịa hơn và áo dạng <i>free size</i> , ai mặc cũng hợp...
Biến đổi những đơn vị có sẵn của tiếng Việt	148	- ngâm cứu, bình loạn,... - gấu, nai, gà cung, gà bông, ngáo, soi, viêm màng túi, dễ, chảnh, màn hình phẳng, cá sấu chúa, bá đạo, gạch đá,...	- Cười té ghế với những <i>bình loạn</i> sau trận đấu. - Điểm mặt những <i>gà cung</i> nổi tiếng của ông bầu Khắc Tiệp.
Kết cấu mới lạ	103	- Xấu như gấu - Chân dài não ngắn - Hồng nhan bạc tử	- Nói chung là chán, không biết làm gì, <i>chán như con gián</i> ... - Hoa hậu Việt Nam: người <i>hồng nhan bạc tử</i> , kẻ oan trái thị phi.

#### 3.2.1. Chêm xen từ ngữ tiếng Anh

Hình thức thể hiện thứ nhất của biến thể từ vựng tiếng Việt là hiện tượng chêm xen các từ ngữ tiếng Anh vào trong ngôn ngữ tiếng Việt. Tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, phổ biến trên thế giới. Cùng với quá trình toàn cầu hóa và chính sách giáo dục ngoại ngữ, hệ quả là tiếng Việt cũng như nhiều ngôn ngữ khác trên thế giới chứng kiến sự đổ bộ mạnh mẽ của các đơn vị từ vựng tiếng Anh vào vốn từ vựng bản địa. Hiện tượng chêm xen các đơn vị từ vựng tiếng Anh vào ngôn ngữ tiếng Việt là kết quả của các quá trình khác nhau như chuyển mã, trộn mã và

vay mượn ngôn ngữ. Những đơn vị từ vựng tiếng Anh này đã có quá trình tồn tại tương đối lâu dài và bền vững trong từ vựng tiếng Việt, đã được Việt hóa một cách rộng rãi, thay thế hoặc bổ sung vào hệ thống ngữ nghĩa còn thiếu trong tiếng Việt, được cộng đồng bản ngữ chấp nhận với tư cách một đơn vị từ vựng tiếng Việt (xuất hiện khá nhiều trong từ điển tiếng Việt), được sử dụng phổ biến trong tiếng Việt với cả những người đơn ngữ. Ví dụ: *stress, sex, laptop, camere, copy, file, wifi, chat, email, visa, logo, fan, gala, rock,...*

Hệ thống từ vay mượn này được sử dụng phổ biến trong tiếng Việt toàn

dân, có ý nghĩa chỉ những sự vật, hiện tượng thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin hoặc văn hóa giải trí. Kết quả nghiên cứu này của chúng tôi hoàn toàn phù hợp với công bố trước của một số nhà ngôn ngữ. Nguyễn Văn Hiệp từng khẳng định "trường ngữ nghĩa liên quan đến văn hóa giải trí, công nghệ thông tin là lĩnh vực có nhiều từ tiếng Anh xuất hiện hơn cả" [4]. Những đơn vị từ vựng tiếng Anh này mang nội dung ngữ nghĩa giống với tiếng Việt, nhờ vậy, có thể thay thế được cho nhau trong phạm vi sử dụng cụ thể, ví dụ: *laptop* (máy tính xách tay), *hot* (nóng), *clip* (đoạn phim ngắn), *camera* (máy chụp ảnh, quay phim), *troll* (chơi đùa, chơi khăm),...

Trong ngữ liệu chúng tôi thu thập được, những đơn vị từ vựng tiếng Anh được chêm xen vào tiếng Việt chủ yếu là trộn mã. Theo Nguyễn Văn Khang [5], trong tình huống này đương nhiên tiếng Việt giữ vai trò mã chính, sự có mặt của từ ngữ tiếng Anh chỉ là mã phụ được trộn vào mã chính nên chịu áp lực của mã chính. Thỉnh thoảng, sự chêm xen từ ngữ tiếng Anh có tính chất chuyển mã tình huống nhưng so với trộn mã thì hình thức này rất ít.

(a) Về đặc điểm hình thức ngữ âm, hiện tượng từ ngữ tiếng Anh chêm xen vào từ ngữ tiếng Việt xuất hiện hai dạng: Viết nguyên dạng; Viết theo cách phỏng âm của người Việt.

Báo điện tử chủ yếu chọn cách viết nguyên dạng khi chêm xen từ ngữ tiếng Anh.

Ví dụ:

- + Những sự kiện **hot** nhất **showbiz** tuần qua.
- + Khác với **show** 'ồn ào' trước đây, **liveshow** lần này biến thành không gian Sài Gòn xưa.

Viết theo cách phỏng âm của người Việt, ví dụ: xì tin, pi-a, tua, cờ líp, phây,

xì căng đan, chát,... Ví dụ: Những cô gái **xì tin** mê nghệ thuật đường phố.

Các từ ngữ tiếng Anh được viết theo cách phát âm của người Việt có nguồn gốc tiếng Anh nhưng lại sai khác về hình thức chữ viết so với từ ngữ gốc ít xuất hiện trên báo điện tử hơn.

(b) Về đặc điểm ngữ nghĩa, hiện tượng từ ngữ tiếng Anh chêm xen vào từ ngữ tiếng Việt không phải là hiện tượng đơn lẻ, rời rạc mà là một tập hợp từ thuộc một số trường từ vựng ngữ nghĩa nhất định. Kết quả khảo sát cho thấy ở đây có sự phân bố không đều ở các trường nghĩa. Các từ ngữ tiếng Anh thuộc trường nghĩa văn hóa giải trí như âm nhạc, điện ảnh, thể thao (*album, clip, liveshow, showbiz, dance, idol, diva, hit, hot,...*) hay lĩnh vực công nghệ thông tin (*smartphone, laptop, internet, wifi, status, camera, share, hack, website,...*) chiếm số lượng khá phổ biến, tiếp theo là các từ ngữ tiếng Anh về đời sống giới trẻ, cụ thể là trường nghĩa về trang phục (*baggy, cardigan, mix, coban, suit, maxi, crop top, size,...*). Trường nghĩa về lĩnh vực giáo dục hay về chính trị xã hội có số lượng từ ngữ tiếng Anh thấp.

Ví dụ:

- + Cách đây ít giờ, nam ca sĩ Hoàng Tôn đã đăng **status** mang tính "thả thính" khá lộ.

Như vậy, việc chêm xen từ ngữ tiếng Anh vào tiếng Việt là hiện tượng chung của tiếng Việt hiện nay, đặc biệt được sử dụng phổ biến trong giới trẻ. Đây chính là kết quả của sự giao lưu, tiếp biến văn hoá – ngôn ngữ trong thời đại toàn cầu hoá. Hiện tượng này được hình dung như một quá trình liên tục, từ chuyển mã, trộn mã đến vay mượn.

### 3.2.2. Biến đổi những đơn vị có sẵn của tiếng Việt

Cùng với cách thức vay mượn từ nước ngoài, sáng tạo từ mới thì biến đổi những đơn vị có sẵn của tiếng Việt là con đường cơ bản tạo nên tiếng lóng

tiếng Việt. Trong đó, biến đổi những đơn vị có sẵn của tiếng Việt là con đường tạo từ lỏng chủ yếu nhất. Trên cơ sở từ ngữ có sẵn, người Việt (chủ yếu là giới trẻ) đã biến đổi chúng theo nhiều cách (ngữ âm, ngữ nghĩa, phạm vi sử dụng,...). Đây chính là hiện tượng biến âm, biến nghĩa của từ vựng toàn dân.

(a) Biến đổi những đơn vị có sẵn của tiếng Việt phải kể đến sự biến đổi về hình thức ngữ âm. Trước hết là biến đổi một phần âm tiết: *bình loạn* (bình luận), *ngâm cứu* (nghiên cứu), *túm lại* (tóm lại), *iu* (yêu), *iem* (em), hông bít (không biết)...

Ví dụ:

- + Mai mốt ông biết thì nói, còn không biết đừng bày đặt **bình loạn** khiến tôi tiêu.
- + Những chú ý khi viết văn teen nên **ngâm cứu**.

Việc biến đổi một phần âm tiết vừa diễn tả được nội dung ý nghĩa của từ gốc (từ chuẩn), vừa mang sắc thái hài hước, dí dỏm (điều mà từ chuẩn không có được).

Hiện tượng sử dụng từ đồng âm để chơi chữ. Tất nhiên, hiện tượng đồng âm ở đây chỉ có tính chất tương đối, chủ yếu diễn ra trong phong cách khẩu ngữ nên đồng âm thường là các biến thể ngữ âm, ví dụ: *bồ kết* (kết, thích, yêu quý), *buôn dưa lê* (ngồi lê đôi mách), *hạt dẻ* (giá rẻ), *rá rở* (giá), *bán than* (than thở), *chim cú* (cút), *bắc cạn* (cạn - thường sử dụng trong tình huống chúc rượu), *cá kiể* (kiếm tiền, kiếm chác), *bơ* (tĩnh bơ), *phót* (phót lờ)...

Ví dụ:

- + Hè chưa sang nhưng loạt mỹ nhân Việt đã rất **bồ kết** kiểu tóc này.

Nói lái là hình thức tạo từ mới bằng cách chơi chữ khá quen thuộc. Nói lái ít nhiều vẫn dựa trên nét nghĩa của từ gốc, tuy nhiên đã được tạo thêm sắc

thái hóm hỉnh, tươi vui, mới mẻ. Ví dụ, *tỉnh tò* (tỏ tình), *hại điện* (hiện đại), *chống lầy* (lầy chồng), *bật mí* (bí mật), *chao xin* (xin chào),...

Ví dụ: (...)

- + **bật mí** bí quyết chụp ảnh một phát ăn ngay không cần chỉnh sửa.

Hiện tượng viết tắt (tĩnh lược) cũng là một trong những biến thể từ vựng điển hình có sự biến đổi về hình thức ngữ âm, hướng tới mục đích vừa giản tiện vừa tiết kiệm. Những trường hợp này, người đọc phải dựa vào ngữ cảnh để nắm bắt thông tin. Ví dụ: *gato* (ghen ăn tức ở), *soi* (săm soi), *phũ* (phũ phàng), *gắt* (gay gắt),...

Ví dụ:

- + Hội "độc thân vui tính" hẳn rất **gato** bởi dân tình cứ "rần rần" đi chơi ngày 14/2 rồi lại 14/3.

(b) Biến đổi những đơn vị có sẵn của tiếng Việt phải kể đến sự biến đổi ngữ nghĩa tức là cấp thêm nghĩa mới hoặc thu hẹp nghĩa gốc của từ, thay đổi phạm vi sử dụng của từ, làm cho từ mang một nét nghĩa lâm thời mới hay biến đổi ý nghĩa ngữ dụng,... Những biến đổi này rất phức tạp và tinh tế, nhiều khi chồng chéo lên nhau.

Cấp thêm nghĩa mới hay còn gọi là mở rộng nghĩa của từ tạo nên những đơn vị từ vựng đa nghĩa. Nghĩa mới này là kết quả của phương thức chuyển nghĩa mà chủ yếu là ẩn dụ và hoán dụ, được thiết lập dựa trên sự liên tưởng từ nghĩa gốc. Ví dụ: *bập bênh* (cãi), *màn hình phẳng* (ngực lép), *chân dài* (cô gái đẹp), *dế* (điện thoại), *vệ tinh* (người theo đuổi, tán tỉnh), *bom tấn* (bộ phim/ sự kiện/ sản phẩm gây tiếng vang trong đời sống giải trí), *bom xịt* (bộ phim/ sự kiện/ sản phẩm bị lỗi, thất bại dù đầu từ lớn), *gấu/ gà bông* (người yêu), *sao* (người nổi tiếng), *chợ đen* (nơi trao đổi những món hàng không rõ nguồn gốc, không thuế má), *teo nảo* (người không

nhanh nhạy, kém thông minh), *não phẳng* (trí tuệ kém phát triển), *vượt rào* (quan hệ trước hôn nhân),...

Ví dụ:

- + Người có **gấu** thì tìm chỗ đưa **gấu** đi chơi, đi hẹn hò cho có không khí, cho bằng bạn bằng bè.
- + Rất nhiều các chàng trai đã phải thừa nhận rằng những nàng **màn hình phẳng** nồng nhiệt hơn khi ở trên giường.

Thu hẹp nghĩa gốc của từ (thu hẹp phạm vi biểu hiện (định danh) của từ) tạo nên những cấu trúc nghĩa khác biệt với nghĩa gốc. Đây là hiện tượng sử dụng những đơn vị từ vựng có sẵn nhưng chỉ chuyên dùng ở một hoặc một số nét nghĩa nhất định. Ví dụ: *dã man*, *khủng*, *bá đạo*,...

Theo từ điển Hán Việt, **bá đạo** được định nghĩa như sau: (1) Đường lối thống trị dựa trên võ lực, hình pháp, quyền thế, v.v; (2) Cường hoành, ngang ngược; (3) Chỉ người ngang ngược, cường hoành; (4) Mãnh liệt, dữ dội.

Theo *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên): **bá đạo**. d. Chính sách của kẻ dựa vào vũ lực, hình phạt, quyền thế mà thống trị ở thời phong kiến Trung Quốc cổ đại; phân biệt với vương đạo.

Tuy nhiên, hiện nay, theo khảo sát của chúng tôi, từ **bá đạo** được sử dụng như một tính từ, với nghĩa rất đời thường chỉ tính chất (của sự vật, hiện tượng) vô địch, vô đối, không thể sánh được.

Ví dụ:

- + Vốn được mệnh danh là "cô giáo lấm chiêu", nhiều thế hệ học sinh vẫn luôn nhớ về cô Hương nhờ những giờ học **bá đạo** trên lớp.

Trong tiếng Việt, hiện tượng thu hẹp nghĩa gốc nhìn chung không mạnh bằng mở rộng nghĩa.

(c) Thay đổi phạm vi sử dụng của từ làm cho từ mang một nét nghĩa lâm thời mới trong ngữ cảnh nhất định.

Trong vốn từ vựng tiếng Việt, những từ Hán Việt thường có phạm vi sử dụng hẹp, với những trường nghĩa đặc thù như: trường nghĩa quân đội (*tân binh*, *công lực*, *đại bản doanh*,...), trường nghĩa tôn giáo (*tín đồ*, *thánh địa*,...). Theo khảo sát của chúng tôi, người dùng (chủ yếu là giới trẻ) đã sử dụng chính những từ này nhưng thay đổi phạm vi sử dụng, cụ thể là đã chuyển sang trường nghĩa khác, hoàn toàn không liên quan đến trường nghĩa gốc.

Cụ thể, theo *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên), **tín đồ** được định nghĩa như sau: **tín đồ** d. Người tin theo một tôn giáo. *Những tín đồ Cao Đài*.

Theo khảo sát, **tín đồ** xuất hiện trên một số trang báo điện tử đã được thay đổi phạm vi sử dụng, cụ thể là đã được chuyển sang trường nghĩa mới, như trường nghĩa đời sống văn hóa, giải trí, thời trang: *tín đồ mua sắm*, *tín đồ hàng hiệu*, *tín đồ thời trang*, *tín đồ nhạc trẻ*,... Ở phạm vi sử dụng này, **tín đồ** chỉ những đối tượng chạy theo một trào lưu, xu hướng vật chất nào đó, ở mức độ say mê đến độ như là có đức tin.

Ví dụ:

- + Nghi án **tín đồ hàng hiệu** sập bẫy siêu lừa.

(d) Biến đổi ý nghĩa ngữ dụng của từ khi có sự thay đổi về sắc thái biểu cảm của từ. Thông thường, sự thay đổi này đi theo hai hướng: 1) Bổ sung sắc thái biểu cảm cho một từ vốn có nghĩa trung hòa về mặt biểu cảm, ví dụ: "tếch" trong trường hợp "Thế là hấn tếch thẳng" được bổ sung thêm ý nghĩa phê phán; 2) Thay đổi giá trị biểu cảm của từ (xấu đi hay tốt lên), ví dụ: "dã man" hay "kinh khủng" trong tiếng Việt vốn có nghĩa tiêu cực, như trong trường hợp "*Giết người dã man*", "*Ác kinh khủng*", nhưng có thể được dùng với nghĩa tích cực, như trong trường hợp "*Hát hay dã man*", "*Đẹp kinh khủng*".

### 3.2.3. Kết cấu mới lạ

Biến thể từ vựng trong tiếng Việt không chỉ thể hiện ở cấp độ từ mà còn ở cấp độ cụm từ. Người sử dụng (điển hình là giới trẻ) đã sử dụng phương thức hiệp vần, cải biên, vay mượn,... từ những ngữ liệu như thành ngữ hay tên gọi của các tác phẩm văn học, các bộ phim, bài hát, các chương trình giải trí nổi bật hiện nay để sáng tạo ra hàng loạt các kết cấu mới lạ có tính hài hòa cân đối về ngữ âm, phần nào thể hiện được những đặc điểm tiêu biểu như tính biểu trưng, tính dân tộc, tính biểu thái,... nên ít nhiều chúng có tính thành ngữ. Những kết cấu mới lạ này vừa phản ánh một cách sinh động những biến thể từ vựng nói riêng, biến thể ngôn ngữ nói chung của giới trẻ lại vừa dí dỏm, hài hước và cũng gây ra nhiều tranh luận trái chiều trong xã hội nhưng không thể phủ nhận là nó góp phần làm phong phú tiếng Việt hiện đại.

(a) Phương thức hiệp vần là một trong những phương thức nổi bật để sáng tạo nên các kết cấu mới lạ, nhằm tạo nên tính hài hòa, cộng hưởng về âm thanh, tạo sự uyển chuyển, nhịp nhàng, cân đối về ngữ âm. Chẳng hạn, để thể hiện sự chán nản chúng ta có biến thể **chán như con gián, buồn - buồn như con chuồn chuồn, chảnh** (kiêu căng, coi thường người khác) - **chảnh như cá cảnh, ảo - ảo tung chảo, bá đạo - bá đạo trên từng hạt gạo, ăn chơi - ăn chơi không sợ mưa rơi, tuyệt vời - tuyệt vời ông mặt trời, chất - chất nhất quả đất, đơn giản - đơn giản như đàn rồ,...**

Ví dụ:

+ 9 câu tỉnh tò **bá đạo trên từng hạt gạo** đảm bảo bách chiến bách thắng.

(b) Phương thức cải biên sáng tạo ra những kết cấu mới lạ được cải biên từ vốn thành ngữ của dân tộc. Sự cải biên

này diễn ra ở nhiều cấp độ khác nhau, có khi sử dụng lại gần như nguyên xi, chỉ thay đổi lại một yếu tố trong cấu tạo: **anh hùng bàn phím** (anh hùng rơm), **hồng nhan bạc tử** (hồng nhan bạc phận), **chân dài nảo ngắn** (chân dài lưng ngắn), **học tài thi lí lịch** (học tài thi phận),...; nhưng có khi cải biên phần lớn, chỉ giữ lại cấu trúc so sánh và yếu tố được so sánh: **mặt xanh như nồi canh** (mặt xanh như đất nhái), **ác như con tê giác** (ác như thú), **nhục như con cá nục, nhục như con trùng trọc** (nhục như chó), **xấu như gấu, xấu như cá sấu** (xấu như ma), **đẹp như sao Hàn** (đẹp như hoa, đẹp như tiên),...

Ví dụ: Hiện tượng ô dù, **học tài thi lí lịch**, con ông cháu cha đã góp phần không nhỏ vào sự hình thành và phát triển những tệ nạn xã hội, trong đó có nạn tham nhũng.

(c) Phương thức vay mượn được sử dụng khá phổ biến trong việc tạo nên các kết cấu mới lạ. Người sử dụng đã vay mượn tên gọi của các tác phẩm văn học, bộ phim, bài hát, các chương trình giải trí nổi bật hiện nay. Ví dụ: **xin một vé đi tuổi thơ** có nguồn gốc từ tên gọi tác phẩm "Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ" của Nguyễn Nhật Ánh, **bồng dưng muốn khóc** có nguồn gốc từ bộ phim cùng tên, **hỏi xoáy đáp xoay** có nguồn gốc từ một chương trình giải trí trên VTV3, **thảm họa Lệ Rơi** có nguồn gốc từ một sự kiện âm nhạc, **quá nhanh quá nguy hiểm** hay **nhệm vụ bất khả thi** đều có nguồn gốc từ những bộ phim bom tấn của Mỹ,... Bằng phương thức vay mượn, những kết cấu mới lạ này không ngừng phát triển, không ngừng cập nhật những sự kiện văn hóa giải trí mới để thay thế cho những sự kiện đã lỗi thời.

Ví dụ: Thú vị màn **hỏi xoáy đáp xoay** với thủ tướng Đức.

Hầu hết các kết cấu mới lạ được sáng tạo theo các phương thức trên đều thể hiện được những đặc điểm cốt lõi của ngữ cố định như: tính thành ngữ, tính biểu trưng, tính hình tượng, tính dân tộc, tính biểu thái,... Tuy nhiên, thực tế vẫn còn có những cụm từ có kết cấu lỏng lẻo, chỉ thuần túy a dua theo các trào lưu xã hội, mang tính thời thượng, tất yếu sẽ bị đào thải theo thời gian.

#### **4. Một vài đề xuất về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt**

Chuẩn hóa tiếng Việt nói chung, chuẩn hóa biến thể từ vựng nói riêng là công việc của mọi người dân ở mọi lúc, mọi nơi nhưng tất nhiên trong sự chuẩn hóa đó, rất cần sự can thiệp của Nhà nước bởi Nhà nước luôn có vai trò quyết định trong sự thay đổi, cải tổ.

Trước hết, truyền thông phải định hướng về sử dụng ngôn ngữ nói chung, định hướng về biến thể từ vựng tiếng Việt trên một số trang báo điện tử nói riêng. Cũng như các ngôn ngữ khác, tiếng Việt đang chịu tác động mạnh mẽ của tiếng Anh từ cấu trúc - hệ thống đến chức năng giao tiếp. Đây không chỉ là vấn đề của riêng quốc gia nào mà là vấn đề cấp bách mang tính toàn cầu. Hiện tượng chêm xen các từ ngữ tiếng Anh vào trong ngôn ngữ tiếng Việt khá phổ biến trên một số trang báo điện tử. Thẳng thắn mà nói rằng, truyền thông đang “lạm dụng” các yếu tố tiếng Anh đến mức báo động. Trước thực trạng này, mỗi cá nhân người làm báo phải học cách ứng xử với từ ngữ nước ngoài, chống lại cả hai khuynh hướng cực đoan hoặc “co lại” hoặc “lạm dụng”. Bởi nếu thái quá trong việc nâng cao vị thế của tiếng Anh sẽ làm suy yếu ngôn ngữ quốc gia.

Ngoài ra, định hướng về chuẩn hóa các hiện tượng biến đổi những đơn vị từ vựng có sẵn của tiếng Việt hay việc xuất hiện các kết cấu mới lạ dựa trên những ngữ liệu có sẵn cũng đang đặt ra

những thách thức mới khá nan giải. Thiết nghĩ, hiện tượng nào có thể chuẩn hóa trước thì nên tiến hành chuẩn hóa. Đặc biệt cần phải cẩn trọng trong việc đưa ra bộ quy tắc về chuẩn hóa nhưng không nên cẩn trọng đến mức thái quá trong việc soạn quy định. Bởi mỗi giai đoạn sẽ có yêu cầu chuẩn hóa riêng. Những quy định về chuẩn hóa tiếng Việt nói chung, biến thể từ vựng trong tiếng Việt nói riêng của ngày hôm nay không thể áp dụng cho ngày mai. Bởi chuẩn hóa từ vựng không phải là vấn đề bất biến mà luôn mang tính giai đoạn trong đời sống ngôn ngữ. Thực tế cho thấy, lí thuyết về chuẩn hóa của ngôn ngữ học hiện đại đã thay đổi. Chuẩn hóa quy phạm luận tức là bó buộc vào các tiêu chuẩn cứng nhắc để kết luận đúng/sai đã thuộc về quá khứ và được thay thế bằng chuẩn hóa theo hướng lựa chọn cho phù hợp với từng giai đoạn.

Các cơ quan thông tin truyền thông nói chung, các cơ quan báo chí nói riêng cần nâng cao vai trò định hướng về sử dụng ngôn ngữ, phải coi đây là nhiệm vụ hàng đầu của mình. Nhưng trước hết, muốn chuẩn hóa trên các phương tiện truyền thông thì chuẩn hóa tiếng Việt nói chung, chuẩn hóa biến thể từ vựng nói riêng cần đi trước một bước. Bởi một nội dung của tiếng Việt được chuẩn hóa sẽ được các phương tiện truyền thông tuân thủ, sử dụng thống nhất, định hướng cho toàn xã hội theo đó sử dụng. Hơn nữa, cần có việc vận động để đẩy lùi những biến thể từ vựng làm cho tiếng Việt mất đi tính chuẩn mực. Đây phải là cuộc vận động mang tính quần chúng. Phát triển tiếng Việt đúng hướng, không phải bằng cấm đoán mà thông qua phản biện, thuyết phục, phân tích có lí có tình, kèm theo một số ràng buộc nghiệp vụ ngay tại cơ sở, tức là tại cơ quan báo chí thì mới hi vọng sau một thời gian sửa chữa những

chỗ chưa hợp lí sẽ đẩy lùi được cách dùng tiếng Việt méo mó, phản cảm.

### **5. Kết luận**

Tiếng Việt là một sinh ngữ đang ngày càng phát triển, ngôn ngữ báo chí cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Tiếng Việt không chỉ là những âm, những từ, những câu,... vốn có do tổ tiên lưu truyền lại mà còn là tất cả những gì mà hơn 90 triệu người Việt Nam ngày nay đang nói, đang viết; tất cả những gì con cháu người Việt sẽ nói, sẽ viết trong tương lai. Báo chí là phương tiện thông tin đại chúng quan trọng, có tính phổ biến nhất vì mọi người có thể xem báo vào bất cứ lúc nào, ở bất cứ đâu khi họ muốn. Có thể nói, mọi người tiếp xúc với báo chí thường xuyên, hàng ngày cho nên ngoài tác dụng truyền tin, tác dụng thể hiện, giáo dục tư tưởng, đường lối chính sách của nhà nước,... báo chí còn có tác dụng rất quan trọng trong việc hướng dẫn mọi người dân rèn luyện lối tư duy khoa học, mạch lạc, rõ ràng qua việc dùng tiếng Việt chuẩn mực, trong sáng. Chỉ một sai sót trong việc dùng tiếng Việt trên báo sẽ tác động đến số đông người không chỉ ở cách dùng tiếng Việt

không đúng, có hại cho tư duy mạch lạc mà còn có thể tạo ra thông tin sai lạc thực tế, sai lạc ý định của người viết gây ra những hậu quả xấu cho xã hội. Do đó, việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trên báo chí là một trong những phạm vi được quan tâm chú trọng hàng đầu.

### **Tài liệu tham khảo**

- [1] Hoàng Anh, Một số vấn đề về sử dụng ngôn từ trên báo chí, Nxb Lao động, (2003).
- [2] Đỗ Hữu Châu, Đỗ Hữu Châu tuyển tập, tập 1, Từ vựng ngữ nghĩa, Nxb GD, Hà Nội, (2005).
- [3] Đỗ Hữu Châu, Đỗ Hữu Châu tuyển tập, tập 2, Đại cương - Ngữ dụng học - Ngữ pháp văn bản, Nxb GD, Hà Nội, (2005).
- [4] Nguyễn Văn Hiệp, Thực trạng sử dụng tiếng Việt "phi chuẩn" của giới trẻ hiện nay nhìn từ góc độ ngôn ngữ học xã hội, Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, số 5-2014, (2014).
- [5] Nguyễn Văn Khang, Từ ngoại lai trong tiếng Việt, Nxb GD Việt Nam, (2007).
- [6] Hoàng Phê (Chủ biên), Từ điển tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng, (2000).